

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

THAM TỔ LÀM BỔ NGỮ CỦA VỊ TỪ VẬT TRẠNG TIẾNG VIỆT

PHẠM HỒNG HẢI* - NGUYỄN ĐÌNH KIM PHƯƠNG**

TÓM TẮT: Bài báo này bàn về tham tổ làm bổ ngữ của nhóm vị từ vật trạng trong tiếng Việt. Các khía cạnh sẽ được bàn đến là: (i) Khả năng ngoại động của vị từ vật trạng: những vị từ vật trạng mà ngoài diễn tố đảm nhiệm chức năng là chủ ngữ ở bình diện cú pháp, đòi hỏi phải có diễn tố là bổ ngữ trực tiếp (Bổ ngữ trực tiếp có thể ngầm ẩn), được xem là những vị từ ngoại động; (ii) Trên bình diện cú pháp: tham tổ làm bổ ngữ xuất hiện ngay sau vị từ vật trạng, có thể là (ngữ) danh từ chỉ người, bộ phận, nguồn gốc, chất/ vật liên quan đến trạng thái sự tình, là một kết cấu chủ - vị để miêu tả trạng thái, tình trạng, phạm vi ảnh hưởng của sự tình; (iii) Trên bình diện nghĩa: tham tổ làm bổ ngữ của vị từ vật trạng đảm nhiệm 3 vai nghĩa chính - vai Phương diện chỉ phương thức, phương diện, đối thể biểu thị của vật, vai Nguyên nhân dùng để chỉ các yếu tố gây ra trạng thái đương thể, vai Liên đới phản ánh mối liên quan giữa đương thể và các yếu tố gây biến đổi tính chất/ tình trạng của trạng thái. Xác định được các vấn đề của tham tổ làm bổ ngữ của nhóm vị từ vật trạng tiếng Việt sẽ làm rõ thêm khả năng hoạt động của nhóm vị từ này, đồng thời cũng cố thêm tư cách vị từ của nhóm vị từ vật trạng tiếng Việt - nhóm từ vẫn được ngữ pháp Truyền thống xếp vào từ loại tính từ.

TỪ KHÓA: Vị từ vật trạng; bổ ngữ; ngoại động; bình diện cú pháp; bình diện nghĩa.

NHẬN BÀI: 15/11/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 29/01/2026

1. Giới thiệu

Vị từ vật trạng được Cao Xuân Hạo (2006) xác định là một tiểu loại của vị từ trạng thái, mô tả đặc điểm/ tính chất, tình trạng của vật. Trong tiếng Việt, vấn đề bổ ngữ của vị từ vật trạng cũng được bàn đến trực tiếp, gián tiếp trong các công trình của Diệp Quang Ban (1998, 2004), Nguyễn Tài Cẩn (1996), Cao Xuân Hạo (2001, 2006), Nguyễn Văn Hiệp (2004), Nguyễn Thiện Giáp (2006). Các tác giả này đã trình bày tương đối rõ về vị trí, chức năng cũng như vai trò của bổ ngữ trong câu tiếng Việt, đặc biệt là mối quan hệ của chúng với vị từ trạng thái. Tuy nhiên, đối với vị từ vật trạng, các nghiên cứu chuyên biệt về hệ thống tham tổ làm bổ ngữ còn khá hạn chế. Vì thế, trên cơ sở tiếp cận hai bình diện cú pháp và ngữ nghĩa, bài viết bước đầu đưa ra các phân tích về đặc điểm, phân loại bổ ngữ, đồng thời phân biệt bổ ngữ với trạng ngữ trong sự chi phối của vị từ vật trạng, cũng như xem xét các vai nghĩa mà tham tổ làm bổ ngữ có thể đảm nhận trên bình diện nghĩa trong câu tiếng Việt.

2. Nhóm vị từ vật trạng tiếng Việt

2.1. Khái lược về nhóm vị từ vật trạng tiếng Việt

Trong tiếng Việt, vị từ vật trạng là một nhóm vị từ có số lượng khá ổn định bởi được sử dụng nhiều (ví dụ: *ải, ảo, ẩm, bổ, cao, chéo, dẻo, dột, đặc, đồ, hôi, lỏm, mẽ...*), vốn biểu thị những thuộc tính, tình trạng gắn với vật. Cao Xuân Hạo (2001) đã xác định vị từ vật trạng là một tiểu loại thuộc vị từ trạng thái, biểu thị tính chất (thường tồn) hoặc tình trạng (không thường tồn) của các vật vô tri hay đồ vật (phần lớn vật vô tri được đề cập tới là đồ vật). Trong đó, vị từ vật trạng được xác định: Thường tồn - chỉ tính chất của các vật vô tri hay đồ vật có tính bền vững, lâu dài, và không thay đổi theo thời gian/ không gian. Ví dụ: (*sân này*) *rộng*, (*tủ gỗ*) *bền*, (*cái rựa*) *bén...*; Không thường tồn - chỉ tình trạng không bền vững, nhất thời và thay đổi theo thời gian. Ví dụ: (*cuốn sách*) *cũ*, (*chén*) *mẻ*, (*áo*) *dơ...*

Trên đây là những phân loại có tính khái quát, còn chưa rạch ròi trong một số trường hợp. Như vậy, có thể nói vị từ vật trạng, khác với những vị từ trạng thái biểu thị cái thuộc tính thể trạng, tính khí, tâm trạng, lớp vị từ vật trạng gắn trực tiếp với những đặc trưng vật lí (chủ quan), thuộc tính khách quan của vật vô tri. Chúng tôi thống kê được 110 vị từ vật trạng thường tồn và 106 vị từ vật

*TS; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh;

Email: honghai22016@gmail.com

**HVCH; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh;

Email: phuonkim.260700@gmail.com

trạng không thường tồn trong Từ điển Hoàng Phê (2019), và sẽ miêu tả đặc điểm, phân tích khả năng làm trung tâm của vị ngữ, của cấu trúc vị từ - tham tố.

(i) Vị từ vật trạng làm trung tâm vị ngữ: *bén, bền, cao, cay*,... Ví dụ:

(a) *Dao cạo Pháp bén lắm, coi chừng đứt ngọt nhen!* [Truyện ngắn: Quả báo - Nguyễn Kim]

(b) *Áo này bền lắm, chưa rách là mặc được.* [Truyện ngắn: Chiếc áo xanh của ba - Trà Bông]

(c) *Cổng nhà cao quá.* [Nước mắt chim trời - Niê Thanh Mai]

(d) *Ớt thì cay.* [Chiếc phong bì xanh - Phạm Thị Điệp Giang]

(ii) Vị từ vật trạng chỉ phối hình thức, số lượng, kiểu loại các diễn tố đi kèm

(1) (a) *Mưa phùn dày hạt.* [Truyện ngắn: Âm áp như nước - Đỗ Bích Thúy]

(b) *Bánh mì đặc ruột, bánh mì nóng đây.* [Lê Văn Nghĩa (2021), Những mảnh ghép rời ký ức].

(c) *Mây trắng đậm màu mà buồn mênh mang như sương khói mong manh (...) Những đỉnh núi rõ dần, đậm màu, mây tan hết từ lúc nào.* [Câu vồng dưới chân - Đào Thị Thanh Tuyền]

(iii) Vị từ vật trạng có khả năng làm vị ngữ mở rộng: cụm vị từ khi kết hợp được với các yếu tố phụ biểu thị mức độ (*rất, quá, lắm...*). Ví dụ:

(a) *Canh rất mặn.* [Vó ngựa - Vũ Thị Huyền Trang]

(b) *Vòng đời của những chiếc lá rất ngắn.* [Hai chiếc lá - Lê Yên]

(c) *Trà dâu ngọt quá.* [Điều chân thật duy nhất - Minh]

(d) *Chiếc ba lô nhẹ quá.* [Tạm biệt hoa gạo - Nguyễn Hồng]

(e) *Không nhiều, thuốc rẻ lắm, rẻ như rau như cám thôi.* [Nguyên nhân - Tâm Hoa]

(f) *Hang sâu lắm!* [Mùa Xuân trên đỉnh Hòn Chè - Trần Khởi]

2.2. Vấn đề bổ ngữ của vị từ vật trạng tiếng Việt

Nguyễn Tài Cẩn (1975, tr.334) nêu ra những ví dụ về ngữ tính từ giống như ngữ động từ, trong đó thành tố phụ đứng sau trung tâm là chỉ đối tượng, chẳng hạn *gần quần chúng, xa bạn, khác người*, v.v. Theo Đinh Văn Đức (1986, tr.165-166), “*Do cách thức phản ánh của người bản ngữ, một đặc trưng trong quan hệ thông báo có thể hình dung như một trạng thái, xa hơn, cái trạng thái đó có thể hoạt động và gây ra tác động đến những đối tượng nhất định. Đó là lí do về mặt ngữ nghĩa của việc hình thành các hiện tượng gọi là ‘bổ ngữ của tính từ’ trong tiếng Việt*”; ví dụ: *Tôi xa nhà đã 20 năm.*

Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1991, tr.101-105) phân bổ ngữ thành 4 loại: (i) Bổ ngữ của tính từ chỉ lượng (*đông, đầy, vắng, thừa, mau, nhiều, ít*); (ii) Bổ ngữ là những danh từ chỉ chủ thể của nội dung ý nghĩa nêu ở tính từ. (*Cây này vàng lá; Nhãn này mỏng cùi.*); (iii) Bổ ngữ có nhiệm vụ nêu cái mốc, cái điểm không gian hoặc thời gian của một phía trong quan hệ định vị với thành phần ở trước. (*Nhà tôi xa trường; Hôm nay đã gần tết rồi.*); (iv) Bổ ngữ đòi hỏi làm rõ phương diện mà nội dung tính từ phát huy tác dụng. (*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn*). Cao Xuân Hạo (2006) coi “*động từ*” và “*tính từ*” cùng thuộc nhóm vị từ, và xác định rõ nhóm vị từ trạng thái có sự trùng hợp rất nhiều với nhóm từ vẫn được coi là tính từ theo quan điểm truyền thống. Bằng cách phân loại theo diễn tri, ông đã thể hiện thuyết phục khả năng kết hợp với 2 diễn tố của nhóm vị từ trạng thái này. Đây là một cơ sở quan trọng để củng cố quan điểm xem xét thành phần phụ sau tính từ (vị từ trạng thái) có tư cách bổ ngữ. Lê Kính Thắng (2016) đã bàn một cách hệ thống về phạm trù nội động/ ngoại động với tư cách một phạm trù ngữ pháp trong tiếng Việt. Trên cơ sở này, tác giả đã phân tích khả năng kết hợp của nhóm vị từ trạng thái với diễn tố làm bổ ngữ trên bình diện cú pháp, mang vai nghĩa Phạm vi, và xếp nhóm này vào nhóm vị từ ngoại động kém điển hình. Phạm Hồng Hải (2019) đã bàn về cấu trúc tham tố của tính từ tiếng Việt, và có những tìm tòi, phân tích khá sâu về tham tố làm bổ ngữ của nhóm từ có chứa vị từ vật trạng tiếng Việt.

Điểm lại các quan điểm của nhiều tác giả về bổ ngữ của tính từ tiếng Việt giúp chúng tôi xác định được cơ sở, củng cố tư cách bổ ngữ của tham tố theo sau nhóm vị từ vật trạng tiếng Việt.

2.3. Khả năng ngoại động của vị từ vật trạng tiếng Việt

Nhiều tác giả đã bàn trực tiếp, gián tiếp đến tính ngoại động của vị từ vật trạng.

Phạm Hồng Hải (2019) đã khái lược các công trình bàn về tính ngoại động của tính từ tiếng Việt. Từ đó, tác giả đã xác lập cơ bản về tính ngoại động/ nội động của tính từ tiếng Việt - nhóm từ bao chứa vị từ vật trạng. Cụ thể:

- Tính từ ngoại động là những tính từ mà ngoài diễn tố đảm nhiệm chức năng là chủ ngữ ở bình diện cú pháp, đòi hỏi phải có diễn tố là bổ ngữ trực tiếp (Bổ ngữ trực tiếp có thể ngầm ẩn), được xem là những tính từ ngoại động. Ví dụ như biệt, ham, giống, xa, thiếu, đạt, xứng, v.v. Ví dụ: Anh ấy **xa** nhà.

- Tính từ có hai cách dùng: là những tính từ có bản chất là ngoại động, nhưng được dùng như tính nội động (tức là, trên bình diện cú pháp không đòi hỏi bổ ngữ trực tiếp hoặc được theo sau bởi bổ ngữ gián tiếp). Ví dụ: Họ rất **thân** (nhau); Họ rất **thân** với nhau).

- Tính từ nội động dùng như ngoại động là tính từ có bản chất nội động, nhưng có thể được dùng như tính từ ngoại động (tức là có bổ ngữ trực tiếp theo sau trên bình diện cú pháp). Ví dụ: Cô ấy **buồn** - Cô ấy **buồn** chuyện gia đình. Hầu hết tính từ bản chất nội động có thể dùng như tính từ ngoại động.

Có thể nói, đây là công trình bàn về vấn đề nội động/ ngoại động của tính từ khá toàn diện, nhằm chứng minh “tính từ” trong tiếng Việt (cùng với “động từ”) có đủ tư cách của một tiểu loại của vị từ tiếng Việt. Dưới đây là khái lược về đặc điểm vị từ vật trạng mà chúng tôi đã bước đầu khảo sát, phân loại:

- Vị từ vật trạng về bản chất là nội động nhưng có khả năng dùng như ngoại động. Ví dụ:

(a) Áo **bẩn** (rồi)! (b) Áo **bẩn** mực (rồi)!

Có thể thấy, vị từ “bẩn” ở (a) gắn với một chủ thể là “áo”, được xem là vị từ vật trạng nội động. Đến ví dụ (b), “bẩn” kết hợp với bổ ngữ “mực”, khi đó “bẩn” là vị từ vật trạng ngoại động và thành tố “mực” là một tham tố làm bổ ngữ, chỉ xuất hiện khi vị từ đòi hỏi sự có mặt của nó.

- Vị từ vật trạng dùng như ngoại động, ngoài diễn tố đảm nhiệm chức năng là chủ ngữ ở bình diện cú pháp, còn có diễn tố là bổ ngữ trực tiếp (bổ ngữ này có thể được ngầm ẩn). Ví dụ:

(a) Mưa **dày** (quá)! (b) Mưa **dày** hạt (quá)!

Ở ví dụ (a), “mưa” là đối tượng được mô tả trong mối liên hệ với bổ ngữ được ngầm ẩn (*hạt*). Ở ví dụ (b), “dày” là vị từ vật trạng mang tính ngoại động vì nó cần sự có mặt của một diễn tố khác (*hạt*) ngoài chủ thể. Ngoài ra, khi vị từ vật trạng làm trung tâm vị ngữ thì có khả năng nhận bổ ngữ mà không cần vị từ hành động/ quá trình. Ví dụ:

(a) **Khói** làm tường **đen**. (b) Tường **đen** vì **khói**.

Ở ví dụ (a), trạng thái “đen” của “tường” được giải thích qua một kết cấu gắn với vị từ “làm”, trong đó “khói” giữ vai nghĩa nguyên nhân. Ngược lại, ví dụ (b), bổ ngữ “khói” vẫn mang vai nghĩa nguyên nhân - “vì khói”, mà không cần vị từ hành động hay quá trình nào.

- Vị từ vật trạng có bổ ngữ theo sau, chỉ phạm vi ảnh hưởng đến chủ thể, chứ không hướng đến một thực thể khác, phụ thuộc vào quan hệ nghĩa hơn là cơ chế cú pháp. Ví dụ:

(a) Tường **đen** khói; (b) Sàn nhà **bẩn** bụi; (c) Thuốc này **bổ** gan; (d) Cưa **cùn** lưỡi.

Ở các ví dụ trên, các vị từ vật trạng “đen, bẩn, bổ, cùn” đều là vị từ ngoại động có các bổ ngữ là “khói, bụi, gan, lưỡi”. Các bổ ngữ đó giữ vai nghĩa nguyên nhân của chính chủ thể do vị từ chính biểu thị.

3. Tham tố làm bổ ngữ của vị từ vật trạng tiếng Việt

3.1. Tham tố làm bổ ngữ trên bình diện cú pháp

Ở cấu trúc vị từ, tham tố bổ ngữ được xem như một thành phần quan trọng trong việc giữ một vị trí hậu vị từ, chỉ phối trực tiếp đến cấu trúc cú pháp của câu, góp phần quan trọng trong việc tạo nên sự linh hoạt ở mặt ngữ nghĩa.

3.1.1. *Bổ ngữ là (ngữ) danh từ*

Trong các cấu trúc có vị từ vật trạng, bổ ngữ thường có hình thức bằng (ngữ) danh từ, thể hiện các vai nghĩa chỉ người, nguồn gốc, chất/ vật phạm vi ảnh hưởng của một trạng thái khi tham gia vào sự tình của vị từ trung tâm. Việc bổ ngữ là các (ngữ) danh từ làm nên sự mở rộng khung vị từ của vị từ vật trạng mà không làm thay đổi bản chất nội động của vị từ. Ví dụ:

- (a) *Cây cối xanh tươi, nhà **cao** tầng.* [Lời của cát]
- (b) *Mưa thế này, lúa **chắc** hạt lấm đầy.* [Mùa lúa thì thắm trên đồng quê]
- (c) *Gà **gần** núi.* [Chờ người trong tranh]
- (d) *Căn bếp **đậm** mùi lá khô.* [Đá huyết rồng]

Những ví dụ trên đều có bổ ngữ trực tiếp như *tầng, hạt, núi, mùi lá khô*...chúng đều có quan hệ nghĩa bắt buộc với vị từ vật trạng, khó có thể bị lược bỏ hay ngầm ẩn.

3.1.2. *Bổ ngữ là một kết cấu chủ - vị*

Trong một số cấu trúc có vị từ vật trạng, bổ ngữ còn có thể được biểu hiện dưới dạng một kết cấu - chủ vị, thường mang nội dung miêu tả trạng thái, nguyên nhân hay không gian/ phạm vi ảnh hưởng, được vị từ trung tâm chi phối trực tiếp về mặt cú pháp - ngữ nghĩa. Ví dụ:

- (a) *Con đường **hiều** ổ gà có các kích thước lớn nhỏ.*
- (b) *Ngôi nhà đã **mục** những mảng tường gạch qua bao năm tháng.*
- (c) *Bàn **loang** các vết màu vẽ vừa bị đổ.*

Ở các ví dụ trên, đều có bổ ngữ là các kết cấu chủ - vị. Vị từ *mục* có bản chất nội động và là ngoại động kém điển hình (bổ ngữ có thể ngầm ẩn: *Ngôi nhà đã mục; Những mảng tường gạch đã mục*); trong khi đó từ *hiều, loang* đòi hỏi có bổ ngữ trực tiếp.

3.1.3. *Tham tố là bổ ngữ / trạng ngữ*

Vị từ vật trạng có tham tố làm bổ ngữ chỉ thời gian, địa điểm, cách thức hoàn cảnh (còn được coi là trạng ngữ). Trên phương diện nghĩa, chúng cung cấp nội dung mới/ mở rộng sự tình câu. Trên phương diện cú pháp, chúng là những thành phần phụ, có mối liên hệ với vị từ vật trạng và có thể bị lược bỏ.

- (a) *Sương trắng còn **đầy** ở các ngõ trong làng.* [Cô hàng xén]
- (b) *Trăng **hồng** như quả chín/ Lửng lơ lên trước nhà.* [Trăng ơi...từ đâu đến]
- (c) *Con đường về nhà **dài** trên ba chục cây số.* [Năm tháng xa xôi]
- (d) *Bóc cả lên, gạo đã **mọt** thành từng mùn.* [Độc thân]

Cụm ở các ngõ trong làng có tư cách của trạng ngữ chỉ nơi chốn. Các ngõ trong làng có tư cách của một bổ ngữ gián tiếp (có giới từ ở); cụm trên ba chục cây số là trạng ngữ hay là bổ ngữ?; cụm như quả chín, thành từng mùn dễ được xem là trạng ngữ chỉ thể cách.

3.2. *Tham tố làm bổ ngữ và mối liên hệ với vai nghĩa trên bình diện nghĩa*

Nội dung phần này sẽ xem xét đến các tham tố làm bổ ngữ hoạt động trên bình diện nghĩa. Từ những gợi mở ở trên, tham tố làm bổ ngữ của vị từ vật trạng trên bình diện nghĩa sẽ đảm nhận những vai nghĩa gắn liền với các thể cách tồn tại và biểu hiện của trạng thái/ tình trạng của vật. Chúng tôi xác định, phân tích kĩ các vai nghĩa mà tham tố làm bổ ngữ của vị từ vật trạng có thể đảm nhận: vai Phương diện, vai Nguyên nhân, vai Liên đới.

3.2.1. *Tham tố đảm nhận vai Phương diện*

Vai Phương diện trong câu có vị từ vật trạng được dùng để nói đến phạm vi, phương diện hay phương thức biểu thị của vật (Đương thể trong câu) do vị từ vật trạng kiến tạo. Xét ví dụ sau:

- (a) *Cây cối xanh tươi, nhà **cao** tầng.* [Lời của cát]
- (b) *Khói thơm quá, khói **cay** mắt quá./ Mà con đi hoài không tới được bờ sông.* [Những hoàng hôn không có màu trời]

Ở (a), “cao” là một vị từ vật trạng, “nhà” là đương thể, “tầng” nói về một phương diện của ngôi nhà. Tương tự ở (b), “mắt” là tham tố đảm nhiệm vai Phương diện. Có thể thấy, vai Phương diện này thường biểu đạt trạng thái vật lí, các mặt thường tồn của vật. Ngoài ra, khi xét vị từ vật trạng chỉ tình trạng, có thể minh họa bằng việc phân tích các ví dụ sau:

a) Áo **hở** vai, **hở** rốn [Cải ngồng]:

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Phương diện	Biểu thị
	<i>Áo</i>	<i>hở</i>	<i>vai rốn</i>	Chỉ phương diện bộ phận cụ thể chịu trạng thái

b) Trận địa đã **im** tiếng súng. [Giấc mơ trên những cánh rừng]

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Phương diện	Biểu thị
	<i>Trận địa</i>	<i>(đã) im</i>	<i>tiếng súng</i>	Chỉ phương diện âm thanh ở không gian chiến sự, chỉ tình trạng bị thay đổi

Nhận xét:

Khi nằm trong cấu trúc [Đương thể] - [vị từ vật trạng] - [Phương diện] thì vị từ vật trạng là vị từ thường tồn và không thường tồn. Các tham tố đảm nhận vai Phương diện xác lập các chiều cạnh mà trạng thái vật được nhắc đến, tức là dùng để chỉ tính chất đặc trưng vật lí (như *tầng* trong *nhà cao tầng*) và tình trạng, các mặt bị biến đổi hay chịu tác động của đương thể (như *hở* trong *áo hở vai, hở rốn; im* trong *trận địa đã im tiếng súng*). Như vậy, vai Phương diện chủ yếu khu biệt các trạng thái từ ổn định đến biến hóa của Đương thể, điều chỉnh nghĩa cho khung vị từ - tham tố mà không thay đổi bản chất ngoại động của vị từ vật trạng.

3.2.2. Tham tố đảm nhận vai Nguyên nhân

Vai Nguyên nhân trong câu có vị từ vật trạng sẽ được dùng để chỉ nguyên nhân, tức biểu thị yếu tố dẫn đến sự hình thành hoặc biến đổi trạng thái của Đương thể. Vai Nguyên nhân thường được thể hiện qua các kết cấu như điều kiện tự nhiên/ thời tiết, các tác động vật lí, sự kiện môi trường, bên ngoài tác động... và có quan hệ với vị từ trung tâm. Ví dụ:

a) Lúa **héo** dần giữa **con nắng** rất dữ dần. [Nắng hạn, nước và phận người]:

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Nguyên nhân	Nguyên nhân biểu thị
	<i>Lúa</i>	<i>héo (dần)</i>	<i>con nắng rất dữ dần</i>	Điều kiện môi trường gây ra trực tiếp cho đương thể lúa.

b) Áo **chủ** rách vì **chui** qua hàng rào gai vào chùa, sẽ không ai **vá** cho **chủ**. [Mẹ trong lòng người đi]:

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Nguyên nhân	Nguyên nhân biểu thị
	<i>Áo chủ</i>	<i>rách</i>	<i>vì chui qua hàng rào gai vào chùa</i>	Một tác động vật lí từ môi trường ngoài gây ra tình trạng.

c) Một chỗ rất **êm** vì vừa **ấm áp**, có thể tránh được ánh đèn với cặp mắt soi mói của mấy tay kiểm soát vé, vừa có thể **ngả lưng**. [Gia sư]

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Nguyên nhân	Nguyên nhân biểu thị
	<i>Một chỗ</i>	<i>(rất) êm</i>	<i>vì vừa ấm áp... vừa có thể ngả lưng</i>	Hoàn cảnh xung quanh tạo nên trạng thái vật.

Nhận xét:

Cấu trúc [Đương thể] - [vị từ vật trạng] - [Nguyên nhân] của vị từ vật trạng chủ yếu là không thường tồn, dùng để chỉ tình trạng của Đương thể. Khác với vai Phương diện làm khu biệt hóa trạng thái bên trong của Đương thể, vai Nguyên nhân hướng đến mối quan hệ nhân - quả giữa trạng thái của vật với điều kiện tác động. Vì thế mà cấu trúc câu có một diễn tố đảm nhận vai Nguyên nhân sẽ biểu thị tính không bền vững, dùng để chỉ/biểu thị các yếu tố bên ngoài tác động vào, làm phát sinh hay thay đổi trạng thái đặc trưng vật lí của vật mà vị từ vật trạng biểu đạt.

3.2.3. Tham tố đảm nhận vai Liên đới

Vai Liên đới trong câu có vị từ vật trạng được dùng để chỉ các đối tượng là người, động vật, những vật vô tri hay các hình ảnh liên tưởng, yếu tố cảm quan có liên đới đến Đương thể (Đương thể xét ở đây vẫn là các vật vô tri) do vị từ vật trạng biểu đạt. Xét các ví dụ sau:

(a) *Căn phòng **chật** ví như bình hồ lô trong chuyện thần thoại thấm mọi thứ vào trong.* [Đôi mắt Hoài]

(b) *Rượu **chua** như chanh, làm dạ dày tôi sôi lên.* [Cỏ hương huyền, rượu chiêm đàn và người ăn tội].

Ở ví dụ (a), “chật” là một vị từ vật trạng, “căn phòng” là Đương thể, “ví như...vào trong” là vai Liên đới. Tham tố này làm nổi bật tính chất vật lí của vị từ *chật* chi phối. Tương tự, ví dụ (b) “như chanh” là vai Liên đới gắn với vị từ *chua*, cụ thể hóa mức độ, làm nên sự liên kết nghĩa về tính chất vật lí của Đương thể. Những ví dụ trên với vị từ vật trạng thuộc nhóm thường tồn, chỉ tính chất tiêu biểu của vật.

Vai Liên đới với vị từ vật trạng không chỉ dùng để chỉ tính chất, mà còn chỉ tình trạng. Trong trường hợp này, vai Liên đới thường gắn với sự vật của quá trình biến đổi, mức độ lan tỏa hoặc nội dung cụ thể của tình trạng. Ví dụ:

a) *Mảnh sân **đầy** lá mục.* [Người muôn năm cũ]

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Phương diện	Biểu thị
	<i>Mảnh sân</i>	<i>đầy</i>	<i>lá mục</i>	Chỉ đối tượng liên đới liên quan đến tình trạng bao phủ.

b) *Chiếc khăn **đẫm** máu.* [Bùa yêu]:

Cấu trúc nghĩa	Đương thể	Vị từ vật trạng	vai Phương diện	Biểu thị
	<i>Chiếc khăn</i>	<i>đẫm</i>	<i>máu</i>	Liên đới với chất được gắn vào tình trạng của đương thể.

Nhận xét:

Vai Liên đới trong cấu trúc [Đương thể] - [vị từ vật trạng] - [Liên đới] thường do các danh ngữ biểu đạt, nhằm chỉ các đối tượng liên quan về chất, thể vật, hình ảnh liên tưởng, yếu tố cảm quan gắn với trạng thái tính chất khu biệt riêng và tình trạng khả biến của vật. Khác với vai Nguyên nhân vốn nêu ra các phát sinh về tình trạng, vai Phương diện dùng để khoanh định cụ thể về các mặt, bộ phận, bình diện, khía cạnh của Đương thể do vị từ ảnh hưởng, vai Liên đới biểu thị các yếu tố đi kèm, hệ quả hoặc nội dung của sự tình miêu tả.

4. Kết luận

Trên cơ sở tiếp cận lí thuyết vị từ - tham tố, bài viết tập trung khảo sát các tham tố làm bổ ngữ của vị từ vật trạng trong tiếng Việt ở bình diện hình thức - cú pháp và bình diện nghĩa. *Trên bình diện cú pháp*, cấu trúc có vị từ vật trạng không thuần nhất, trong những điều kiện nhất định, chúng có thể hoạt động và thể hiện tính chất như một vị từ ngoại động. Các tham tố được xem xét và đánh giá dựa trên mối quan hệ với vị từ trung tâm, được biểu hiện/hiện thực bằng (ngữ) danh từ hoặc một kết cấu chủ - vị. Chúng có khả năng mở rộng cấu trúc câu, làm lộ rõ tính ngoại động của vị từ vật trạng; đồng thời, có thể ngầm lược bỏ để phản ánh tính nội động vốn có của vị từ. *Trên bình diện ngữ nghĩa*, mỗi tham tố không chỉ tham gia trực tiếp vào việc hoàn thiện khung sự tình do vị từ vật trạng chi phối mà còn đảm nhận các vai nghĩa: vai Phương diện, vai Liên đới, vai Nguyên nhân. Tạo nên mối liên hệ giữa tham tố làm bổ ngữ và vai nghĩa: vị từ vật trạng chi phối việc lựa chọn kiểu vai nghĩa của tham tố và quy ước các mức độ gắn kết ngữ nghĩa ở bổ ngữ và vị từ trung tâm - ở đây là vị từ vật trạng, góp phần tạo nên tính linh hoạt trong hệ thống tham tố - vị từ ở quá trình tổ chức ngữ nghĩa câu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (2001), *Tiếng Việt - Máy vấn đề Ngữ âm, Ngữ pháp, Ngữ nghĩa*. Nxb Giáo dục.

2. Cao Xuân Hạo (2001), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt T.2: Ngữ đoạn và Từ loại*. Nxb Giáo dục.
3. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt: Sơ thảo ngữ pháp chức năng*. Nxb Khoa học xã hội.
4. Chu Bích Thu (1996), *Những đặc trưng ngữ nghĩa của tính từ tiếng Việt hiện đại*. Luận án Tiến sĩ, Thư viện Quốc gia Việt Nam.
5. Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung (1991), *Ngữ pháp tiếng Việt (Tập 2)*. Hà Nội: Giáo dục.
6. Diệp Quang Ban (2004), *Ngữ pháp Việt Nam, Phần câu*. Nxb Đại học Sư phạm.
7. Diệp Quang Ban (1998), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 1*. Nxb Giáo dục.
8. Đỗ Hữu Châu (1996), *Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia.
9. Nguyễn Tài Cẩn (1975), *Ngữ pháp tiếng Việt, Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ*. Hà Nội: Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
10. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt (từ loại)*. Nxb ĐH và TH chuyên nghiệp, Hà Nội.
11. Hoàng Phê (2019), *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Hồng Đức.
12. Hoàng Văn Hành (1998), *Từ tiếng Việt*. Nxb Khoa học xã hội.
13. Phạm Hồng Hải (2019), *Cấu trúc tham tố của tính từ trong tiếng Việt (Đối chiếu với cấu trúc tương ứng trong tiếng Anh)*. Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Lê Kính Thắng (2016), *Phạm trù nội động/ngoại động trong tiếng Việt*. Huế: Đại học Huế.
15. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp (2004), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
16. Trần Thị Minh Phượng (2009), *Vị từ trạng thái trong tiếng Việt (so sánh với tiếng Anh)*. Luận án Tiến sĩ Ngữ Văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (2006). *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
18. Nguyễn Kim Thản (1963), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt tập 1*. Nxb Khoa học Xã hội.

Tài liệu tiếng Anh

18. Berman, A. (1974), *Adjectives and Adjective Complement Constructions*. Doctoral dissertation, Harvard University, Cambridge, Mass.
19. Byung - Soo Park. (2001), *Do "Transitive Adjectives" really exist?* Seoul, Korea: Kyung Hee.
20. Fillmore, CH (1968), *The case for Case*. Bach E. & Harms R. (eds) *Universals in Linguistic Theory*, New York: Holt, Rinehart, Winston.
21. Kersti Börjars & Nigel Vincent (2010), *Complements of adjectives: a diachronic approach*. Proceedings of the LFG10 Conference (pp.458-478). Stanford, CA: CSLI Publications, The University of Manchester.
22. Mailing, J. (1983), *Transitive Adjectives: A Case of Categorical Reanalysis*. F. Heny and B. Richards (eds.). *Linguistic Categories: Auxiliaries and Related Puzzles*, Vol. 1. Dordrecht: 253-289.

DẪN LIỆU

1. Cát Miên. *Lời của cát*. (Truyện ngắn). Báo Nhân dân, đăng 02:58, 25/12/2012.
2. Đào Thị Thanh Tuyền. *Câu vòng dưới chân*. (Truyện ngắn). Báo Thanh niên, đăng 07:57, 10/11/2017.
3. Đặng Ngọc Hùng. *Chờ người trong tranh*. (Truyện ngắn). Văn học Sài gòn, đăng 12:48, 02/01/2025.
4. Đinh Quân. *Đôi mắt Hoài*. (Truyện ngắn). Báo Lâm Đồng, đăng 26/06/2013.
5. Đỗ Chu. *Năm tháng xa xôi*. (Truyện ngắn). Báo Nhân dân, đăng 14:16, 14/01/2017.
6. Đỗ Bích Thủy. *Ấm áp như nước*. (Truyện ngắn). Báo Nhân dân, đăng 15:56, 05/03/2024.

7. Lê Văn Nghĩa. *Những mảnh ghép rời ký ức*. (Truyện ngắn: *Bánh mì rao*). NXB Trẻ.
8. Lê Yên. *Hai chiếc lá*. (Truyện ngắn). Diễn đàn Việt Nam thư quán, đăng 05/02/2025.
9. Lữ Mai. *Đá huyết rồng*. (Truyện ngắn). Vanvn.vn thuộc Hội nhà văn Việt Nam, đăng 22:30, 20/09/2025.
10. Lục Mạnh Cường. *Giấc mơ trên những cánh rừng*. (Truyện ngắn). Báo Nhân dân, đăng 10:47, 26/08/2017.
11. Minh. *Điều chân thật duy nhất*. (Truyện ngắn). Báo Mực tím, chuyên trang của Báo điện tử Tuổi trẻ online, đăng 03:11, 09/04/2023.
12. Ngô Thị Thục Trang. *Những hoàng hôn không có màu trời*. Báo Đà Nẵng, đăng 08:04, 12/04/2020.
13. Nguyễn Cẩm Hương. *Người muôn năm cũ*. (Tản văn). Báo Văn nghệ, đăng 16:24, 18/01/2025.
14. Nguyễn Mộng Giác. *Ngựa nắn chân bon* (Truyện ngắn: *Mẹ trong lòng người đi*). NXB Văn mới.
15. Nguyễn Thái Sơn. *Gia sư*. (Truyện ngắn). Báo Văn nghệ Hà Tĩnh, đăng 00:56, 25/05/2025.
16. Nguyễn Hồng. *Tạm biệt hoa gạo* (Truyện ngắn). Vanvn.vn thuộc Hội nhà văn Việt Nam, đăng 15:45, 05/02/2021.
17. Nguyễn Kim. *Quả báo*. (Truyện ngắn). Báo Vĩnh Long, đăng 11:12, 25/12/2016.
18. Niê Thanh Mai. *Nước mắt chim trời*. (Truyện ngắn). Báo Thanh niên, đăng 13:38, 28/11/2021.
19. Phùng Gia Thê. *Cải ngồng*. (Truyện ngắn). Báo Văn nghệ Thái Nguyên, đăng 10:39, 04/12/2022.
20. Phan Trang Hy. *Nắng hạn, nước và phận người*. (Tập văn). Văn học và Nghệ thuật, đăng 12/06/2024.
21. Phạm Thị Điệp Giang. *Chiếc phong bì xanh*. (Truyện ngắn). Báo Pháp Luật, đăng 15:25, 23/03/2009.
22. Trà Bông. *Chiếc áo xanh của ba*. (Truyện ngắn). Báo Bình Phước, đăng 08:50, 31/03/2025.
23. Tâm Hoa. *Nguyên nhân*. (Truyện ngắn). Báo Thanh niên, đăng 15:00, 08/10/2011.
24. Trần Khởi. *Mùa Xuân trên đỉnh Hòn Chè*. (Bút kí). Báo Văn nghệ, đăng 08:00, 26/02/2025.
25. Trần Thị Tú Ngọc. *Bùa yêu*. (Truyện ngắn). Báo Nhân dân, đăng 11:16, 22/09/2018.
26. Trâm Anh. *Mùa lúa thì thăm trên đồng quê*. Báo Văn hóa và Đời sống, đăng 10:23, 14/05/2025.
27. Thạch Lam. *Tuyển tập Thạch Lam*. (Truyện ngắn: *Cô hàng xén*). NXB Văn học.
28. Trần Đăng Khoa. *Góc sân và khoảng trời* (Thơ: *Trăng ơi...từ đâu đến?*). NXB Kim Đồng.
29. Trịnh Minh Hiếu. *Độc thân*. (Truyện ngắn). Vanvn.vn thuộc Hội nhà văn Việt Nam, đăng 07:10, 09/03/2024.
30. Vũ Thị Huyền Trang. *Vó ngựa*. (Truyện ngắn). Báo Giác ngộ online, đăng 13:42, 08/11/2015.
31. Vũ Văn Song Toàn. *Cỏ hương huyền, rượu chiêm đàn và người ăn tội*. (Truyện ngắn). Báo Văn nghệ, đăng 06:00, 08/08/2024.

**The arguments functioning as the object
of verbs of inanimate physical state in Vietnamese**

Abstract: This article discusses the arguments functioning as the object of verbs of inanimate physical state in Vietnamese. The aspects to be discussed are: ability to function as transitive verbs of verbs of inanimate physical state; the arguments functioning as the object in syntactic plane; the arguments functioning as the object in semantic plane. Identifying the issue of the arguments functioning as the object of verbs of inanimate physical state will further clarify the functional capabilities of this group of verbs, and at the same time reinforce the predicate status of verbs of inanimate physical state - a group of words traditionally classified as adjectives in Vietnamese.

Key words: verbs of inanimate physical state; object; transitive; syntactic plane; semantic plane.